TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Hồng Kiên
2. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1016/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D; Sinh năm: 1996
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn 1, xã T, tỉnh Thanh Hóa
Số CCCD: 038196035047
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; sinh năm: 1995
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn 1, xã T, tỉnh Thanh Hóa
Số CCCD: 038095024880
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 23/07/2018, tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2024 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn liên quan đến vấn đề tình cảm và gia đình. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng chị đã nhiều lần giảng hoà nhưng vẫn không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nhật K, sinh ngày: 24/12/2018 và Nguyễn Linh S, sinh ngày: 16/08/2020. Ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/6/2026, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 23/7/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại miền nam, tuy nhiên đến năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay, không ai quan tâm ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nhật K, sinh ngày: 24/12/2018 và Nguyễn Linh S, sinh ngày: 16/08/2020. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Linh S, sinh ngày: 16/08/2020 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày: 24/12/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T cư trú tại xã T, tỉnh Thanh Hóa nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã

thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[3]. Anh T đã được thông báo hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị D và anh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị D và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (Nay là xã T, tỉnh Thanh Hoá) ngày 23/7/2018 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay, không ai quan tâm ai. Việc này phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị D và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nhật K, sinh ngày: 24/12/2018 và cháu Nguyễn Linh S, sinh ngày: 16/08/2020. Xét thấy nguyện vọng của chị D và anh T đều chính đáng. Chị D và anh T đều có công việc ổn định. Tuy nhiên, cháu Nguyễn Linh S đang còn nhỏ và là con gái nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Nguyễn Nhật K có nguyện vọng được sống cùng bố, hiện nay cháu cũng đang do anh T và gia đình anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D, giao cháu S cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Linh S, sinh ngày: 16/08/2020 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày: 24/12/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị D và anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá theo biên lai số BLTU/26E 0000926 ngày 04/02/2026. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T. Chị D và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã T;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 7

3NQ300626.TL.QDBA
612

Nguyễn Thị Cúc